TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 84/2022/HS-PT Ngày 17 - 02 - 2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 215/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Thị Thu H cùng các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Phạm Thị Thu H, sinh năm 1958 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ học vấn: 10/10; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Trường N và bà Nguyễn Thị S (Đều đã chết); có chồng là Nguyễn Bá T, sinh năm 1954 và 02 con (Nhỏ sinh năm 1981); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 28-4-2020 đến ngày 17-8-2020, hiện đang tại ngoại (có mặt).

2. Hoàng Đức T, sinh năm 1984 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Đức H, sinh năm 1960 và bà Ma Thị Đ, sinh năm 1962; có vợ là Triệu Thị L, sinh năm 1987 và 02 con (Nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 22-4-2020 đến ngày 22-9-2020, hiện đang tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Thôn Phi Late 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Nguyễn Bá H (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1942; có vợ là Phạm Thị D nhưng đã ly hôn và có 02 con (Nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-6-2020, hiện đang tạm giam (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16-10-2017, Phạm Thị Thu H nhận chuyển nhượng thửa đất diện tích 15ha (150.000m2) tại khoảnh 4, tiểu khu 1716, thuộc địa phận thôn 2, xã Đắk Ha, huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông của Nguyễn Đức T, trú tại: Tổ 8, xã Tân Châu, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Nguồn gốc đất do Xí nghiệp Lâm nghiệp Đắk Ha giao cho Nguyễn Đức T để trồng và bảo vệ rừng.

Quá trình sử dụng đất, tháng 5-2018, Phạm Thị Thu H mua máy móc, thuê nhân công để tiến hành khai thác vàng trái phép trên đất (Bãi vàng cây xoài). H giao cho Hoàng Đức T quản lý, chấm công và tiến hành khai thác với cách thức như sau: Các công nhân tiến hành đục đá tạo thành đường hầm rồi vận chuyển đất đá mang ra ngoài, cho vào máy đập đá để đập nhỏ, sau đó bỏ vào máy nghiền thành bột. Bột đá được đưa vào thảm, lọc lấy kim loại nặng, bỏ vào nón bằng kim loại lắng ra vàng cám. Tiếp tục mang vàng cám gói vào giấy bạc, bỏ vào lửa hoặc bỏ vào chén đất và dùng khò nấu chảy thành từng cục, sau đó đem bán tại tiệm vàng Kim Hằng; địa chỉ tổ 2, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Đến ngày 01-9-2018, H chuyển về sinh sống tại thành phố Thái Nguyên và giao cho Hoàng Đức T toàn bộ cơ sở sản xuất để tiếp tục tổ chức khai thác vàng trái phép. H và T thỏa thuận lợi nhuận sẽ được chia theo tỉ lệ 50/50. Hàng tháng, T lập sổ chấm công, quản lý hoạt động thu chi tại bãi vàng và báo cho H được biết.

Ngày 07-3-2019 H thuê Nguyễn Văn Q vào bãi vàng để trông coi việc khai thác vàng cùng với T, tiền lương 6.000.000đ/tháng do H chi trả. Q có nhiệm vụ kiểm tra khối lượng vàng khai thác được, cùng T nấu vàng và bán vàng tại tiệm vàng Kim Hằng. Số lượng vàng, tiền bán vàng có được Q đều thông báo cho H qua điện thoại hoặc qua phần mềm nhắn tin Facebook. Sau khi trừ tiền trả nhân công và một số chi phí khác, tiền sẽ được chuyển vào tài khoản số 5300205603072 của H mở tại Agribank chi nhánh Đắk Nông.

Quá trình điều tra đã xác định, từ tháng 5-2018 đến ngày 21-12-2019, Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T đã tổ chức khai thác vàng, thu lợi bất chính số tiền 4.427.816.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn Q giúp sức cho H tham gia khai thác vàng từ ngày 07-3-2019 đến ngày 21-12-2019 với số tiền thu lợi bất chính là 2.258.970.000 đồng.

Vật chứng của vụ án, đồ vật, tài liệu tạm giữ:

- 01 điện thoại Iphone 6S, 01 máy hàn, 01 máy mài, 01 dàn máy đập đá, 01 dàn máy nghiền đá, 01 dàn máy nén hơi, 01 dàn máy phát điện; 01 nón kim loại đãi vàng, 25 kg khoáng sản nguyên khai, 02 cân tiểu ly, 03 đầu máy nổ, 01 máy đập đá, 01 máy xay đá, 01 đầu máy phát điện, 01 bao màu trắng, 01 bình ga, 01 thùng nhựa màu xanh, 01 máng đãi bằng gỗ.

- Các sổ sách ghi chép quản lý thu chi, số lượng vàng, số tiền bán vàng thu được; sổ ghi ngày công; các phiếu cân đo tuổi vàng; các giấy nộp tiền vào tài khoản ngân hàng; các tài liệu khác thu giữ tại nhà bị cáo Phạm Thị Thu H và tại bãi vàng đã đánh dấu bút lục, lưu trong hồ sơ vụ án.

- Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thị H đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ, sau đó cùng các bị cáo Hoàng Đức T và Nguyễn Văn Q nộp thêm số tiền 342.500.000đ có được từ việc chuyển nhượng 02 thửa đất số 587, 588, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại thôn Sơn Lang, xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước của bị cáo H, để khắc phục hậu quả, trả lại số tiền thu lợi bất chính cho nhà nước. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa số 581, tờ bản đồ số 27, diện tích 85,5m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 114314 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 27-12-2018 đứng tên Phạm Thị Thu H; địa chỉ thửa đất: Phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, để đảm bảo thi hành án.

Tại các bản Kết luận giám định số 09/GĐTL-PC09 ngày 05-02-2020; số 81/GĐTL-C09 ngày 20-6-2020; số 80/GĐTL-PC09 ngày 05-7-2020; số 83/GĐTL-PC09 ngày 10-7-2020; số 154, 155/GĐTL-PC09 ngày 28-9-2020; số 191/GĐTL-PC09 ngày 21-10-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông xác định chữ viết trong các sổ sách ghi chép khối lượng vàng, số tiền bán vàng, sổ ghi ngày công thu giữ tại nhà Phạm Thị Thu H và tại bãi vàng là của Phạm Thị Thu H và của Hoàng Đức T; chữ ký nộp tiền trong các giấy nộp tiền vào tài khoản ngân hàng Agribank của Phạm Thị Thu H là của Nguyễn Văn Q, Hoàng Đức T, Phạm Thị Thu H.

Cáo trạng số: 72/CTr-VKS-P1 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T, Nguyễn Văn Q về tội *"Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T và Nguyễn Văn Q phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên".*

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Thị Thu H: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H 02 *(Hai)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 28-4-2020 đến ngày 17-8-2020.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Đức T: Xử phạt bị cáo Hoàng Đức T 02 *(Hai)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22-4-2020 đến ngày 22-9-2020.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 09 *(Chín)* tháng 03 *(Ba)* ngày tù tính từ ngày 06-6-2020, bằng thời gian bị tạm giam. Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn Q.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và biện pháp cưỡng chế, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/3/2021, bị cáo Hoàng Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 22/3/2021, bị cáo Phạm Thị Thu H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 19/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kháng nghị phúc thẩm số 993/QĐ-VKS-P1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS và mức hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T và Nguyễn Văn Q về tội "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên".* Đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS và tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T và Nguyễn Văn Q.

Ngày 07/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị phúc thẩm số 23/QĐ-V1 ngày 07/4/2021 kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, đề nghị sửa bản án sơ thẩm không cho các bị cáo H, T, Q hưởng tình tiết giảm nhẹ hình sự "người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T và Nguyễn Văn Q.

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Thị Thu H xin được hưởng án treo vì cho rằng các bị cáo phạm tội lần đầu, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, cha mẹ là người có công với cách mạng.

Bị cáo Hoàng Đức T xin giảm nhẹ và được hưởng án treo vì bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo là người dân tộc, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị không áp dụng tình tiết "bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" và tăng hình phạt đối với các bị cáo H, T và Q.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả" cho các bị cáo là không đúng và đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T và Nguyễn Văn Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo H và bị cáo T và đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh việc các bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính không được xác định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo là không đúng quy định của pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với các bị cáo H, T, Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo tự bào chữa và nói lời sau cùng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Từ tháng 5-2018 đến tháng 12-2019 mặc dù không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác vàng nhưng các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T đã sử dụng máy móc, thuê nhân công để tổ chức khai thác vàng trái phép tại bãi Cây Xoài, thuộc thôn 2, xã Đăk Ha, huyện Đăk Giong, tỉnh Đắk Nông thu lợi bất chính số tiền 4.427.816.367 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Q được bị cáo H thuê có nhiệm vụ trông coi việc khai thác vàng với bị cáo T từ ngày 07-3-2019 đến ngày 21-12-2019 với số tiền thu lợi bất chính là 2.258.970.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T, Nguyễn Văn Q về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" là có căn cứ.

[2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chế độ quản lý nhà nước về tài nguyên mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội do đó cần xử phạt nghiêm để giáo dục cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo. Trong vụ án này bị cáo H là người chủ mưu đứng ra tổ chức khai thác vàng trái phép, trực tiếp mua máy móc phương tiện, thuê mướn nhân công khai thác vàng trong thời gian dài và số tiền thu lợi bất chính lớn nên phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo Hoàng Đức T là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo H, ban đầu bị cáo chỉ là người làm công cho bị cáo H nhưng sau đó thỏa thuận phân chia lợi nhuận với bị cáo H theo tỷ lệ 50/50. Bị cáo Nguyễn Văn Q là người giúp sức cho bị cáo H và T, nhận tiền công do bị cáo H chi trả.

[4]. Xét kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo H, T và Q chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội đều khai báo thành khẩn ăn năn hối cải, nộp lại một phần tiền thu nhập bất chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H cung cấp chứng cứ đã nộp thêm 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) khắc phục hậu quả. Tình tiết này được xem là chứng cứ mới cần xem xét cho bị cáo.

Bị cáo H và Q có cha mẹ là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến. Riêng bị cáo Q có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là hộ nghèo, có con nhỏ sinh năm 2011 bị khuyết tật về não mức độ nặng. Bản thân phạm tội với vai trò đồng phạm thứ yếu. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc mức hình phạt cho các bị cáo là phù hợp.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc các bị cáo nộp lại một phần tiền thu nhập bất chính là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng với quy định của pháp luật do đó cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T và Nguyễn Văn Q.

Do mức hình phạt đối với bị cáo H và T tương xứng với tính chất nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do bị cáo H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Thu H, Hoàng Đức T và Nguyễn Văn Q phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên".

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 28-4-2020 đến ngày 17-8-2020.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức T 2 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 22-4-2020 đến ngày 22-9-2020.

3. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 9 (chín) tháng 3 (ba) ngày tù tính từ ngày 06-6-2020 bằng thời gian bị tạm giam.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Hoàng Đức T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đắk Nông (1);
- VKSND tỉnh Đắk Nông (1);
- Công an tỉnh Đắk Nông (1);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông (1);
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (3), 13b (PMT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ba